

Bản án số: 38/2022/DS-PT

Ngày: 22-6-2022

*V/v Tranh chấp về chia tài sản chung,  
chia di sản thừa kế*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Hà

*Các Thẩm phán:* Ông Võ Đình Sớm

Ông Lê Đình Nam.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai:** Bà Trịnh Thị Mỹ Hiền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 01 năm 2022 về “*Tranh chấp về chia tài sản chung, chia di sản thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2021/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 55/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Mỹ H, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn A 3, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Dương Thị Mỹ H: Ông Ngô Đức N – Luật sư Văn phòng Ngô Đức N; địa chỉ: đường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh K, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn A 3, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Anh Dương Nguyễn Chung Th, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn A 3, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Dương Nguyễn Chung Th: Ông Ngô Đức N – Luật sư Văn phòng Ngô Đức N; địa chỉ: đường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3.2. Anh Võ Đình D, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn A 2, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn là chị Dương Thị Mỹ H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Dương Nguyễn Chung Th.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn chị Dương Thị Mỹ H trình bày:*

Gia đình chị sinh sống làm nhà trên phần đất của ông nội từ năm 1989. Đến năm 1995, gia đình chị được ông nội chính thức tặng cho chung cả gia đình đất tại thị xã A, tỉnh Gia Lai. Ông nội cho chung cho cả gia đình nhưng trên giấy chỉ ghi tên bà Nguyễn Thị Thanh K và ghi rõ “...sau không được bán”. Ngày 26/3/2004, gia đình chị được Ủy ban nhân dân thị xã A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02319/QSDĐ/QĐ số: 903/204, thửa đất số 127, tờ bản đồ số 23, diện tích 145m<sup>2</sup>; địa chỉ: xã S, thị xã A, Gia Lai. Đây là đất hộ gia đình.

Cả gia đình chị cùng đóng góp xây dựng tài sản chung và sinh sống trên thửa đất và nhà ở này từ năm 1989 đến nay (năm 2020). Vào năm 1991, cha chị ông Dương Văn M chết, không để lại di chúc.

Đến ngày 11/11/2014, mẹ chị tự ý kê khai thay đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trái pháp luật và Ủy ban nhân dân thị xã A đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 359962 mang tên bà Nguyễn Thị Thanh K.

Nay chị yêu cầu Tòa án phân chia thừa kế, chia tài sản chung đối với quyền sử dụng đất 145m<sup>2</sup> đất ở và tài sản trên đất là 02 căn nhà tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 23; địa chỉ: Thôn A 3, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Về diện tích đất 145m<sup>2</sup>, trị giá theo kết quả định giá 435.000.000đ, chị yêu cầu chia làm 4 phần bằng nhau cho 4 người là chị H, anh Th, bà K và ông Dương Văn M (đã chết), mỗi phần 36m<sup>2</sup> (trị giá: 108.750.000đ); phần tài sản của ông M, chị yêu cầu chia thừa kế làm 3 phần bằng nhau, mỗi phần 12m<sup>2</sup> (trị giá: 36.250.000đ).

Về tài sản trên đất gồm có 02 nhà cấp 4: 01 căn xây dựng năm 2005 diện tích 52,8m<sup>2</sup>, trị giá: 61.353.600đ; 01 căn nhà xây dựng năm 2004, diện tích: 41,4m<sup>2</sup>, trị giá: 44.115.840đ; Tổng giá trị 2 căn nhà: 105.469.440đ; Chị yêu cầu được chia tài sản chung đối với 02 căn nhà cho 4 người: 105.469.440đ/4 = 26.367.360đ; Phần cha chị chị yêu cầu hưởng di sản thừa kế nhà từ ông M là 8.789.120đ. Tổng trị giá thành tiền phần chị được chia và được hưởng di sản là: 180.156.480đ. Chị đề nghị được nhận hiện vật là căn nhà và đất với diện tích là 52,8m<sup>2</sup> xây dựng năm 2005 và sẽ thanh toán lại nếu có chênh lệch cho các đương sự khác bằng tiền.

*Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh K trình bày:*

Bà và ông Dương Văn M kết hôn vào năm 1984, có đăng ký kết hôn. Năm 1987 ông bà cho bà một thửa đất để cất nhà ở diện tích 400m<sup>2</sup> nhưng khi đó không viết giấy tờ, chỉ nói miệng. Năm 1991, chồng bà ông M chết không để lại di chúc. Đến ngày 27/7/1995 thì ông nội bà viết giấy tay cho đất bà, đến ngày 19/6/1998 có đưa ra thôn để xác thực việc cho đất. Ngày 26/3/2004 đất được Ủy ban nhân dân thị xã A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà

Nguyễn Thị Thanh K, lúc đó vì bà là chủ hộ nên Ủy ban nhân dân thị xã A cấp đất cho chủ hộ là bà, đất thuộc thửa số 127, tờ bản đồ số 23, diện tích 145m<sup>2</sup> đất ở, còn lại là đất trồng cây lâu năm; địa chỉ: Thôn A 3, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai hiện nay.

Lúc cho đất ông Nội bà nói cho đất con cháu ở, không được bán nên theo bà quyền sử dụng đất nêu trên là của 4 người gồm: Bà, ông M, Hạnh, Thương;

Nay con bà là chị H khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là đất nêu trên thì bà đồng ý chia cho Hạnh là 48m<sup>2</sup>, còn nhà trên đất chị H yêu cầu được nhận giá trị bằng 1/3 ngôi nhà hoặc nhận căn nhà 52,8m<sup>2</sup> thì bà cũng đồng ý. Vì hiện nay tài sản là nhà và đất đã bị Thi hành án kê biên nên bà không làm thủ tục chuyển quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất cho con bà được.

Bà đồng ý với kết quả đo đạc và kết quả định giá tại phiên xem xét thực tế và định giá tài sản vào ngày 18/5/2021.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Dương Nguyễn Chung Trình bày:*

Gia đình bố mẹ anh sinh sống làm nhà trên phần đất của ông nội từ năm 1989. Đến năm 1995, ông nội chính thức cho gia đình đất tại thị xã A, Gia lai. Ngày 26/3/2004, gia đình anh được Ủy ban nhân dân thị xã A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02319 QSDĐ/QĐ số: 903/204, thửa đất số 127, tờ bản đồ số 23, diện tích 145m<sup>2</sup>; địa chỉ: xã S, thị xã A, Gia Lai. Đây là đất hộ gia đình. Cả gia đình anh cùng đóng góp xây dựng tài sản chung và sinh sống trên thửa đất và nhà ở này từ năm 1989 đến nay (năm 2020). Vào năm 1991, cha anh ông Dương Văn M chết, không để lại di chúc. Đến ngày 11/11/2014, mẹ anh tự ý kê khai thay đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trái pháp luật và Ủy ban nhân dân thị xã A đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 359962 mang tên bà Nguyễn Thị Thanh K.

Nay anh yêu cầu mẹ anh chia thừa kế, chia tài sản và quyền sử dụng đất chung đối với tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 23; diện tích 145m<sup>2</sup>, địa chỉ: Thôn A 3, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Cụ thể: đất chia 4 phần, phần cha anh chết là di sản thừa kế chia làm 3 phần. Về nhà ở: trước đây giai đoạn đầu tiên cha mẹ anh xây dựng nhà chỉ 94,2m<sup>2</sup>. Sau giai đoạn cha anh chết anh và chị lớn lên, lao động và đóng góp vào xây dựng thêm nhà ở, hiện nay chúng anh đã xây dựng thêm lên nên diện tích nhà là 145m<sup>2</sup>.

Anh đề nghị Tòa chia tài sản chung hộ gia đình, chia tài sản nhà và chia tài sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Anh đồng ý với kết quả đo đạc và định giá tài sản ngày 18/5/2021 của Hội đồng xem xét thực tế và định giá tài sản.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Võ Đình D trình bày:* Vào ngày 25/5/2020, tại Chi nhánh Công ty đấu giá Hợp doanh PGL, anh đã đấu giá và trúng đấu giá đối với bất động sản, bao gồm quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 23, diện tích 145m<sup>2</sup> (loại: đất ở nông thôn), địa chỉ thửa đất: Thôn A 3, xã S, thị xã A, Gia

lai với giá 513.900.000đ do Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A bán đấu giá, tài sản bán đấu giá mang tên bà Nguyễn Thị Thanh K là người phải thi hành án. Anh đã hoàn tất thủ tục mua tài sản bán đấu giá vào ngày 26/5/2020.

Việc tranh chấp phân chia tài sản giữa bà Hạnh, ông Thương với bà K liên quan đến tài sản anh đã trúng đấu giá, anh không chấp nhận việc họ tranh chấp, phân chia tài sản của anh. Anh yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng hợp pháp và ngay tình của anh.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn đều đồng ý với kết quả đo đạc và định giá tài sản mà ngày 18-5-2021 và yêu cầu Tòa căn cứ vào kết quả đo đạc, giá trị định giá đó để phân chia.

*Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H và anh Th là ông Ngô Đức N trình bày:*

Căn cứ lời khai của bà K và các đương sự thì năm 1989, ông nội bà K cho đất cho gia đình bà K và gia đình bà K cất nhà ở trên đất đó. Năm 1991, ông M chết không để lại di chúc, đến năm 1995 ông nội bà K mới viết giấy cho bà K, trong đó có ghi cho nhưng không được bán; năm 2004, Ủy ban nhân dân thị xã A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà K nên đây là tài sản chung của gia đình bà K trong đó có cả chị H, anh Th. Năm 2014 bà K có đơn bổ sung tài sản trên đất chứ không thay đổi chủ sử dụng, nên việc Ủy ban nhân dân thị xã A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó xác định quyền sử dụng đất là của riêng bà K là không đúng. Trong giấy xác nhận của những người làm chứng mà nguyên đơn nộp cho Tòa trong đó những người làm chứng là ông Nghĩa, ông Dương Em, bà Trần Thị Cửu, ông Lê Ánh và một số nhân chứng khác đều xác nhận chị H và anh Th có xây nhà trên đất đó. Như vậy đã xác định anh Th, chị H được bà K cho đất và đã xây nhà trên đất, nhưng vì anh Th, chị H lo lam lũ làm ăn từ sớm tới tối mới về nên việc làm giấy tờ và để đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở là chưa thực hiện, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến thực tế và xét trên phương diện khía cạnh đạo đức, chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung, chia di sản thừa kế theo yêu cầu của Nguyên đơn và yêu cầu của anh Th.

Hiện nay tài sản yêu cầu chia đã bán đấu giá để thi hành án không chia theo hiện vật được thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chia giá trị bằng tiền.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2021/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2021, Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai đã quyết định:*

Căn cứ vào khoản 2, 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 133, Các điều 205, 206 Bộ luật dân sự 2015; Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai; Các điều 8, 9, 10 và khoản 1 Điều 12 Luật nhà ở 2014; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Dương Thị Mỹ H.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc Dương Thị Mỹ H phải chịu chi phí xem xét thực tế, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.600.000đ; chị H đã nộp đủ chi phí này.

3. Về án phí: Buộc Nguyên đơn chị Dương Thị Mỹ H phải chịu 9.007.824đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 2.500.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0009911 ngày 28/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Chị H phải nộp thêm: 6.507.824đ (*Sáu triệu năm trăm lẻ bảy nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng*).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 2/12/2021, chị Dương Thị Mỹ H và anh Dương Nguyễn Chung Th có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án và sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của anh chị để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho anh chị vì anh chị có đầu tư công sức, lao động nhiều năm đóng góp vào nhà của mẹ anh chị (tức bà K).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn là chị Dương Thị Mỹ H không rút đơn khởi kiện và giữ kháng cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Dương Nguyễn Chung Th có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:*

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Đảm bảo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật, các thủ tục khai mạc phiên tòa và các thủ tục khác được Hội đồng xét xử và Chủ tọa phiên tòa điều hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, các bên đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định về việc giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm và yêu cầu kháng cáo như sau:*

[1] *Về tố tụng:*

Trong vụ kiện này, nguyên đơn là chị Dương Thị Mỹ H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn là anh Dương Nguyễn Chung Th yêu cầu Tòa án phân chia thừa kế, chia tài sản chung đối với

quyền sử dụng đất 145m<sup>2</sup> đất ở và tài sản trên đất là 02 căn nhà tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 23, địa chỉ: Thôn A 3, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Đề xét yêu cầu khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ và quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 26 và các Điều 35, 39 để xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp về phân chia tài sản chung và phân chia di sản thừa kế*” là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Xét việc giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm và yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo thấy rằng:

Chị Dương Thị Mỹ H, anh Dương Nguyễn Thành Chung yêu cầu Tòa án phân chia thừa kế, chia tài sản chung đối với quyền sử dụng đất 145m<sup>2</sup> đất ở và tài sản trên đất là 02 căn nhà tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 23 có địa chỉ như đã nêu trên; tài sản được UBND thị xã A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Thanh K (là mẹ của anh, chị - cũng là bị đơn trong vụ kiện này).

Tuy nhiên các chứng cứ được thu thập có tại hồ sơ vụ án thể hiện:

Trước thời điểm anh, chị có đơn khởi kiện yêu cầu phân chia (khởi kiện ngày 16/11/2020) thì tài sản này đã bị Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản để thi hành nghĩa vụ của người phải thi hành án là bà Nguyễn Thị Thanh K (Quyết định số 06/QĐCCTHADS ngày 13/11/2018; ngày 06/01/2020 tiến hành cưỡng chế, kê biên xử lý tài sản).

Ngày 25/5/2020, toàn bộ tài sản trên đã được bán đấu giá. Anh Võ Đình D là người trúng đấu giá, hoàn tất thủ tục mua bán hợp pháp vào ngày 26/5/2020. Cơ quan thi hành án cũng đã tiến hành cưỡng chế giao tài sản cho anh Duy vào ngày 16/6/2021(bút lục 66); anh Duy đã thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất (và đã được cấp giấy chứng nhận).

Do vậy, quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản gắn liền với diện tích đất trên của bà Nguyễn Thị Thanh K đã chấm dứt. Việc yêu cầu chia và được nhận tài sản của chị H và anh Th đã yêu cầu là không có cơ sở để chấp nhận.

Mặt khác, xét về nguồn gốc và tính hợp pháp của tài sản trên trước khi được chuyển hữu cho người khác của bà Nguyễn Thị Thanh K thấy rằng:

Nguồn gốc diện tích đất 145m<sup>2</sup> mà bà K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (năm 2004) là từ ông Nguyễn Trung - ông nội bà K - cho cháu nội vào ngày 27/7/1995 (bút lục 33). Việc cho đất là cho riêng bà K. Trong toàn bộ các giấy tờ kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong giai đoạn năm 2004 như: Biên bản xác nhận không tranh chấp của các hộ lân cận, đơn xin xác M nguồn gốc đất, biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký đất đai (bút lục 28-30) đều thể hiện là đất ông nội cho riêng bà K (Thời điểm cho đất là vào ngày 27/7/1995; ông Dương Văn M chết vào ngày 29/7/1991; chị Dương Thị Mỹ H sinh năm 1987; anh Dương Nguyễn Thành Th sinh năm 1991 - nên thêm cơ sở xác định là đất cho riêng bà K chứ không phải cho chung các thành viên trong hộ gia đình – bút lục 19-21).

Đến năm 2014, bà K làm đơn đề nghị đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Lý do biến động là bổ sung tài sản gắn liền với đất (bút lục 39). Khi đề nghị đăng ký biến động thì giấy xác nhận nhà ở thể hiện: “*nhà xây dựng năm 2004*”; chủ sở hữu nhà là Nguyễn Thị Thanh K.

Với các chứng cứ trên xác định: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trước khi được chuyển quyền sở hữu cho anh Võ Đình D là thuộc sở hữu riêng của bà Nguyễn Thị Thanh K.

Không có căn cứ xác định tài sản nêu trên là di sản của người có tài sản để lại sau khi chết theo quy định của pháp luật thừa kế hoặc là tài sản chung của nhiều người chưa được phân chia.

Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế và phân chia tài sản chung theo yêu cầu của chị H và anh Th là có căn cứ.

Đối với phần công sức đóng góp theo ý kiến của chị H, anh Th thì anh chị có quyền yêu cầu bà K phải hoàn trả. Trong toàn bộ quá trình thi hành án để thực hiện nghĩa vụ của người phải thi hành án là bà K đối với tài sản trên, không phát sinh tranh chấp này. Đương sự không khởi kiện. Do vậy không có căn cứ để xem xét trong vụ kiện này.

[3] Do Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

***Vì các lẽ trên,***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là chị Dương Thị Mỹ H và anh Dương Nguyễn Chung Th.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2021/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào khoản 2, 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 133, Các điều 205, 206 Bộ luật dân sự 2015; Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai; Các điều 8, 9, 10 và khoản 1 Điều 12 Luật nhà ở 2014; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Dương Thị Mỹ H.

1.2. Về chi phí tố tụng: Buộc Dương Thị Mỹ H phải chịu chi phí xem xét thực tế, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.600.000đ; chị H đã nộp đủ chi phí này.

1.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Nguyên đơn chị Dương Thị Mỹ H phải chịu 9.007.824đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.500.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0009911 ngày 28/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Chị H phải nộp thêm: 6.507.824đ (*Sáu triệu năm trăm lẻ bảy nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng*).

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Dương Thị Mỹ H và anh Dương Nguyễn Chung Th mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo các biên lai số 0011619 và số 0011620 cùng ngày 20/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai; chị Dương Thị Mỹ H và anh Dương Nguyễn Chung Th đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Hà**

**Các Thẩm phán**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**







Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nghị án kết thúc vào hồi ..... giờ 00 phút, ngày    tháng    năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Đình Sớm**

**Lê Đình Nam**

**Lê Văn Hà**







